

BỘ CÔNG AN - BỘ NGOẠI GIAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2009/TTLT-BCA-BNG

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thủ tục giải quyết cho công dân Việt Nam
định cư ở nước ngoài đăng ký thường trú tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Cư trú số 81/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 19/2008/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

Bộ Công an và Bộ Ngoại giao hướng dẫn thủ tục giải quyết cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (dưới đây viết tắt là CDVNĐCNN) đăng ký thường trú tại Việt Nam như sau:

I - ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Thông tư này áp dụng đối với CDVNĐCNN mang hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu do nước ngoài cấp còn giá trị (dưới đây gọi chung là hộ chiếu nước ngoài) về Việt Nam đăng ký thường trú.

2. CDVNĐCNN không có hộ chiếu nước ngoài, nếu có giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp thì cũng được áp dụng theo Thông tư này.

3. CDVNĐCNN có hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam theo quy định tại tiết b, điểm 1, Mục II Thông tư số 06/2007/TT-BCA-C11 ngày 01/7/2007 của Bộ Công an.

4. Những trường hợp sau đây không thuộc diện đối tượng áp dụng theo Thông tư này:

- Người đã xin thôi quốc tịch Việt Nam. Trường hợp muốn xin thường trú tại Việt Nam thì phải làm thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Người thuộc diện “chưa được nhập cảnh Việt Nam” theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2000.

II - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CHO CDVNĐCNN VỀ VIỆT NAM THƯỜNG TRÚ

A. Hồ sơ đề nghị về Việt Nam thường trú được lập thành 02 bộ, mỗi bộ gồm:

1. Đơn đề nghị về Việt Nam thường trú (theo mẫu);
2. Bản sao hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp (hoặc bản chụp kèm theo bản chính để kiểm tra, đối chiếu);
3. Bản sao một trong các giấy tờ sau đây có giá trị chứng minh có quốc tịch Việt Nam:
 - Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ;
 - Giấy chứng minh nhân dân;
 - Hộ chiếu Việt Nam;
 - Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi;
 - Giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp xác nhận đương sự còn giữ quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch.
4. 03 ảnh mới chụp cỡ 4x6 cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (02 tấm dán vào đơn đề nghị và 01 tấm để rời);
5. Một trong những giấy tờ sau đây chứng minh có nhà ở hợp pháp tại Việt Nam:
 - 5.1- Đối với người đã được sở hữu nhà ở tại Việt Nam:

Bản sao một trong những giấy tờ sau đây chứng minh chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu (hoặc bản chụp kèm theo bản chính để kiểm tra, đối chiếu) như: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy tờ về mua, bán, tặng, cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở; Hợp đồng mua nhà ở hoặc giấy tờ chứng minh việc đã bàn giao nhà ở, đã nhận nhà ở của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư xây dựng để bán; giấy tờ của Tòa án hoặc cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền giải quyết cho được sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật.
 - 5.2- Đối với người có nhà ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ của cá nhân:
 - Bản sao hợp đồng cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở của cá nhân (hoặc bản chụp kèm theo bản chính để kiểm tra, đối chiếu);
 - Văn bản chứng minh người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ đồng ý cho người đó đăng ký thường trú;

- Bản sao giấy tờ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu nhà ở của người cho thuê, mượn, ở nhờ (hoặc bản chụp kèm theo bản chính để kiểm tra, đối chiếu).

6. CDVNĐCNN xin về thường trú tại thành phố trực thuộc Trung ương ngoài giấy tờ nêu trên trong hồ sơ còn phải có một trong giấy tờ sau đây chứng minh đủ điều kiện đăng ký thường trú tại thành phố trực thuộc Trung ương (quy định tại khoản 1, 2 và 4 của Điều 20 Luật Cư trú):

6.1- Đối với CDVNĐCNN có chỗ ở hợp pháp phải có một trong giấy tờ sau chứng minh đã tạm trú liên tục tại thành phố đó từ một năm trở lên:

- Giấy tờ về tạm trú có thời hạn hoặc xác nhận của Công an phường, xã, thị trấn về thời hạn tạm trú;

- Sổ tạm trú hoặc xác nhận của Công an phường, xã, thị trấn về thời gian đăng ký tạm trú.

6.2- Đối với CDVNĐCNN được người có sổ hộ khẩu đồng ý cho nhập vào sổ hộ khẩu của mình phải có một trong giấy tờ sau chứng minh mối quan hệ ruột thịt giữa hai người:

- Vợ về ở với chồng; chồng về ở với vợ; con về ở với cha, mẹ; cha, mẹ về ở với con;

- Người hết tuổi lao động, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, nghỉ thôi việc chuyển về ở với anh, chị, em ruột;

- Người tàn tật, mất khả năng lao động, người bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi về ở với anh, chị, em ruột, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, người giám hộ;

- Người chưa thành niên không còn cha, mẹ hoặc còn cha, mẹ nhưng cha, mẹ không có đủ khả năng nuôi dưỡng về ở với ông, bà nội, ngoại, anh, chị, em ruột, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, người giám hộ;

- Người chưa thành niên độc thân về sống với ông, bà nội, ngoại.

Trường hợp không còn giấy tờ chứng minh mối quan hệ ruột thịt nêu trên, thì người bảo lãnh phải có đơn giải trình và được UBND cấp xã nơi người đó có hộ khẩu thường trú xác nhận.

6.3- Giấy tờ chứng minh CDVNĐCNN trước đây đã đăng ký thường trú tại thành phố trực thuộc Trung ương, nay trở về thành phố đó sinh sống tại chỗ ở hợp pháp của mình.

7. Đối với CDVNĐCNN đề nghị về đăng ký thường trú tại cơ sở tôn giáo ở Việt Nam và hoạt động tôn giáo, thì hồ sơ phải có ý kiến bằng văn bản của người đứng đầu cơ sở tôn giáo đó đồng ý cho người đó đăng ký thường trú, kèm theo giấy tờ chứng minh là chức sắc tôn giáo, nhà tu hành hoặc người chuyên hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo, và ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về tôn giáo chấp thuận cho người đó về Việt Nam hoạt động tôn giáo.

B. Nơi nộp hồ sơ và lệ phí:

1. CDVNĐCNN đề nghị về Việt Nam thường trú nộp hồ sơ tại một trong những cơ quan sau:

- Cơ quan đại diện Việt Nam nơi người nộp hồ sơ đang cư trú;
- Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người nộp hồ sơ đề nghị được về thường trú.

2. Người được giải quyết về Việt Nam thường trú phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

C. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng và người xin về Việt Nam thường trú

1. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm:

- Hướng dẫn thủ tục và tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị về Việt Nam thường trú. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ phải gửi 01 bộ hồ sơ (bản chính) kèm theo ý kiến nhận xét về Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Quản lý xuất nhập cảnh (được về Việt Nam thường trú hoặc lý do không được về Việt Nam thường trú), cơ quan đại diện Việt Nam phải thông báo bằng văn bản kết quả cho người đề nghị về thường trú;

- Cấp giấy thông hành hồi hương cho người được phép về Việt Nam thường trú. Giấy thông hành hồi hương được cấp cho từng người, có giá trị 12 tháng, kể từ ngày cấp và không được gia hạn.

2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm:

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (nhận ở trong nước hay do cơ quan đại diện Việt Nam chuyển về), phải hoàn thành việc xem xét, giải quyết cho CDVNĐCNN về Việt Nam thường trú;

- Thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan đại diện Việt Nam và cơ quan chức năng của Bộ Ngoại giao (nếu nộp hồ sơ ở nước ngoài); Công an tỉnh, cơ quan chức năng của Bộ Ngoại giao và thân nhân của người xin về Việt Nam thường trú (nếu nộp hồ sơ ở trong nước). Trường hợp người xin thường trú đang tạm trú tại Việt Nam, thì văn bản thông báo kết quả đồng ý giải quyết cho thường trú của Cục Quản lý xuất nhập cảnh gửi cho thân nhân của người xin thường trú là giấy tờ có giá trị thay giấy thông hành hồi hương.;

- Quá trình xem xét giải quyết, kể cả sau khi CDVNĐCNN đã đăng ký thường trú tại Việt Nam, nếu phát hiện có hành vi gian dối để được cấp giấy thông hành hồi hương, thì Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm thẩm tra lại, tùy tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý hoặc chuyển cơ quan chức năng xử lý theo pháp luật Việt Nam.

3. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Công an tỉnh phải gửi hồ sơ kèm theo ý kiến nhận xét, đề xuất về Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

- Hướng dẫn các thủ tục cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho CDVNĐCNN về Việt Nam làm thủ tục đăng ký thường trú.

4. Trách nhiệm của CDVNĐCNN xin về Việt Nam thường trú:

- Khai đúng sự thật về lai lịch, quá trình hoạt động và mục đích xin về Việt Nam thường trú;

- Người được giải quyết về Việt Nam thường trú phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính;

- Nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này;

- Người được giải quyết về Việt Nam thường trú cần liên hệ với cơ quan đại diện Việt Nam để nhận giấy thông hành hồi hương trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi về nước phải liên hệ ngay với Công an tỉnh, thành phố nơi xin về thường trú để làm thủ tục đăng ký thường trú theo quy định;

- Trường hợp CDVNĐCNN để quá 12 tháng mới đến nhận giấy thông hành hồi hương hoặc chưa làm thủ tục đăng ký thường trú (với trường hợp nộp hồ sơ ở trong nước), thì phải làm thủ tục như sau:

+ Trường hợp quá thời hạn nói trên nhưng chưa quá 24 tháng, thì phải nộp 02 đơn đề nghị được nhận giấy thông hành hồi hương (theo mẫu) và 02 ảnh 4x6 cm mới chụp;

+ Trường hợp quá thời hạn 24 tháng trở lên, thì phải làm lại hồ sơ đề nghị về Việt Nam thường trú như thủ tục lần đầu.

- CDVNĐCNN đã đăng ký thường trú tại Việt Nam, nếu có nhu cầu xuất nhập cảnh Việt Nam, thì phải làm thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu Việt Nam để sử dụng như với công dân Việt Nam thường trú ở trong nước, không được sử dụng hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp để xuất nhập cảnh Việt Nam.

III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Điều 27 Nghị định 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh ban hành các loại mẫu giấy tờ sau đây sau khi tham khảo ý kiến của Cục trưởng Cục Lãnh sự:

- Mẫu giấy thông hành hồi hương;

- Đơn đề nghị về Việt Nam thường trú;

- Mẫu văn bản thông báo kết quả giải quyết cho CDVNĐCNN về Việt Nam thường trú.

2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Thông tư này.

3. Cục Lãnh sự có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện Thông tư này.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế các văn bản sau:

- Thông tư liên tịch số 06/TT-LT ngày 29/01/1997 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) và Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện Quyết định số 875/TTg ngày 21/11/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết cho CDVNĐCNN hồi hương về Việt Nam;

- Thông tư liên tịch số 04/2005/TTLT-BCA-BNG ngày 28/11/2005 của Bộ Công an và Bộ Ngoại giao sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 06/TT-LT ngày 29/01/1997 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) và Bộ Ngoại giao)/.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Sơn

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hương

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- HĐ Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Lưu: Bộ Công an (VT, Cục Quản lý XNC),
Bộ Ngoại giao (VT, Cục Lãnh sự).